

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,  
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Hiền;

- Bà Lê Thị Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích E, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp BT, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn Bé C, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp BT, xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Bích E trình bày:*

Chị và anh Lý Văn Bé C tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu được vài tháng thì về chung sống với nhau vào khoảng năm 2000, không tổ chức đám hỏi, đám cưới. Đến sau khi sinh con thứ hai thì mới đăng ký kết hôn vào ngày 04-6-2014 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống bên gia đình anh C được vài tháng thì cha mẹ chồng cho đất cất nhà ra ở riêng. Thời gian đầu, chị và anh C sống hạnh phúc

bình thường, nhưng từ năm 2014 đến nay anh C thường xuyên cờ bạc, chị phải trả nợ cho anh C có lần 02-03 triệu đồng nhưng nhiều lần, có lần phải bán phần đất cha mẹ cho để trả nợ, trong đó có nợ cờ bạc của anh C. Năm 2017 vợ chồng cùng đi Bình Dương làm công nhân, anh C vào công ty mượn tiền của những người làm chung, chị lại phải trả nợ cho anh C 500.000 đồng, đến năm 2018 thì vợ chồng cùng trở về. Đến năm 2019, chị không thể nào sống được nữa vì anh C đánh bài, cờ bạc chị nói không nghe nên chị đã bỏ đi, trở lại Bình Dương tiếp tục làm công nhân. Trong thời gian chị đi, thời gian đầu anh C có ra ở cùng chị được 3-4 tháng thì bỏ về, chị không biết lý do vì sao anh C về. Anh C cũng có gọi điện thoại hỏi thăm chị, hai ba ngày gọi một lần. Nay chị nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị và anh C đã trầm trọng, tình cảm của chị đối với anh C không còn và vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lý Đăng K, sinh ngày 25-4-2014 và Lý Văn N, sinh ngày 27-8-2003. Cháu Nhuận đã thành niên cùng đi làm với chị, chị không yêu cầu giải quyết. Cháu K đang sống cùng anh C nên chị yêu cầu anh C tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn, anh Lý Văn Bé C trình bày:* Về thời điểm chung sống, kết hôn và con chung như chị E trình bày là đúng. Việc chị E cho rằng trả nợ tiền cờ bạc cho anh nhiều lần là không đúng, chị E chỉ trả cho anh được vài lần, còn những lần khác anh có mượn để chơi nhưng tự trả và anh chơi chỉ vài ba lần chứ không phải nhiều như chị E nói. Từ tết năm 2021 đến nay anh không còn chơi cờ bạc nữa. Còn lần bán đất nền nhà là do vợ chồng có vay 30 triệu của người khác và tiền nợ hụi của chung hai vợ chồng nên cùng bán đất trả nợ chứ không phải nợ riêng của anh. Nay anh còn thương chị E nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất có hai con chung như chị E trình bày, anh đồng ý nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị E cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa, chị E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh C, đồng ý giao cháu K cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, chị không cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, nếu trường hợp ly hôn thì anh đồng ý nuôi cháu K, không yêu cầu chị E phải cấp dưỡng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị Bích E và anh Lý Văn Bé C tranh chấp về ly hôn, anh C cư trú tại ấp BT, xã BP, huyện C. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích E và anh Lý Văn Bé C là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, ngày 04-6-2014. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị E cho rằng do anh C thường xuyên cờ bạc, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh C không nghe đã làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, phía anh C cũng thừa nhận có cờ bạc nhưng chơi không nhiều và hiện còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Qua xem xét ý kiến trình bày giữa hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị E, anh C là do anh C cờ bạc, chị E có khuyên anh C từ bỏ nhiều lần nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù chị E đã bỏ anh C đi từ năm 2019 vì anh C cờ bạc nhưng trong thời gian chị E đi anh C vẫn tiếp tục chơi đến tết năm 2021, điều đó đã chứng minh anh C không quan tâm đến lời khuyên của chị E. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, nay phía chị E cương quyết ly hôn, anh Em không có biện pháp gì để hàn gắn nên việc đoàn tụ vợ chồng là không được. Do đó, xét tình trạng hôn nhân giữa chị E, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy việc chị E yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị E và anh C có hai con chung là cháu Lý Đăng K, sinh ngày 25-4-2014 và Lý Văn N, sinh ngày 27-8-2003. Do con chung Lý Văn N đã thành niên nên chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp. Chị E, anh C thỏa thuận cháu K sẽ giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị E không phải cấp dưỡng. Xét sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu K cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị E, anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, nếu có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích E là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích E. Cho chị Nguyễn Thị Bích E được ly hôn với anh Lý Văn Bé C.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Đăng K, sinh ngày 25-4-2014 cho anh Lý Văn Bé C là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị Bích E không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C chưa yêu cầu. Chị E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích E phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001950 ngày 29-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã BP, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**